

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 3 năm 2018
V/v: “Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Nghị;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 191/2017/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 2 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Y, sinh năm 1984 (Có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982 (Có mặt);

Đều có địa chỉ cư trú: Khu 9, thôn CT, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 25 tháng 9 năm 2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phùng Thị Y trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh L được khoảng 3 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường đến tháng 9 năm 2017 thì vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, sinh hoạt và làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 9/2017 anh L đã đập phá máy may và đồ đạc của gia đình. Chị về nhà bố mẹ đẻ ở và chấm dứt quan hệ tình cảm từ Tháng 9/2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị Y về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian xảy ra mâu thuẫn như chị Y trình bày là đúng. Song mâu thuẫn giữa anh và chị Y chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Tháng 9/2017 do anh không đồng ý cho chị Y làm nghề may quần áo tại nhà nên anh đã đập phá máy may và đồ đạc. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Y, anh L xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L1 sinh ngày 05 tháng 11 năm 2006 và cháu Nguyễn Văn N sinh ngày 07 tháng 9 năm 2008, hiện nay cháu Lan và cháu Nam đang ở với anh L. Khi ly hôn, chị Y và anh L đều yêu cầu được nuôi cả hai cháu, nếu chị Y hoặc anh L được nuôi con thì đều không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị Y và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có.

Về công sức: Chị Y, anh L xác nhận chị có khoảng 03 năm sống chung với gia đình anh L, trong thời gian này chị không cùng gia đình tạo lập được tài sản gì. Khi ly hôn hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất canh tác: Chị Y, anh L xác nhận chị Y được giao 12 thước, anh L được giao 9 thước đất nông nghiệp tại xã ĐT, huyện TD. Khi ly hôn hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về đất canh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y, xử cho chị Phùng Thị Y và anh Nguyễn Văn L được ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2006 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2008 cho anh L tiếp tục nuôi

dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; đất canh tác: Không yêu cầu giải quyết; về công nợ: Không có; Về án phí: Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án đã giao các thông báo, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự. Các đương sự đã chấp hành theo giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án để viết bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 9/2017 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, anh L đập phá máy may và đồ đạc của gia đình, chị Y về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị Y. Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, địa phương xác nhận anh L trong giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các giấy tờ khác đều tên là Nguyễn Văn L, trong giấy chứng nhận kết hôn có ghi tên là Nguyễn Phi Long. Địa phương xác nhận Nguyễn Văn L và Nguyễn Phi L là một người. Về mâu thuẫn giữa chị Y và anh L thì mâu thuẫn đã căng thẳng, anh chị khó có khả năng về chung sống được với nhau. Mặt khác từ khi vợ chồng sống ly thân anh L không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó khẳng định tình cảm giữa chị Y và anh L không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y cho chị Y được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị Y và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L1 sinh ngày 05 tháng 11 năm 2006 và cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2008. Hiện nay cháu Lan và cháu Nam đang ở với anh L. Khi ly hôn chị Y và anh L đều yêu cầu được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh tại địa phương thì anh L ngoài làm ruộng còn đi mua ngọn tre về làm cán quốc, cán xẻng bán, thu nhập khoảng từ 4.000.000đ – 5.000.000đ. Chị Y ngoài làm ruộng còn đi làm thuê thu nhập khoảng 4.000.000đ/ tháng. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Y và anh L đều chính đáng, anh chị đều có thu nhập

đảm bảo điều kiện nuôi con. Nếu giao cả hai cháu cho một bên nuôi dưỡng thì sẽ gặp nhiều khó khăn, nên cần giao cho anh chị mỗi người nuôi một cháu. Đối với cháu Lan, hiện nay đang ở độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, cần có sự quan tâm của người mẹ để cháu được phát triển toàn diện. Vì vậy cần giao cháu Lan cho chị Y nuôi dưỡng, cháu Nam cho anh L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị Y và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ: Không có.

Về án phí: Chị Phùng Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phùng Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2006 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2008 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Không có.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phùng Thị Y phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000744 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Tòa án nhân dân tỉnh vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Ủy ban nhân dân xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đường

